|  |  |
| --- | --- |
| TIỂU ĐOÀN 18  **ĐẠI ĐỘI 1**  Số: ... / KH - ĐĐ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *Bắc Giang, ngày ... tháng 4 năm 2023* |

**KẾ HOẠCH**

**Triển khai, bảo đảm TTLL phòng, chống thiên tai**

**và tìm kiếm cứu nạn của Đại đội 1**

Căn cứ vào Kế hoạch số:….KH/TĐ của Tiểu đoàn triển khai bảo đảm Thông tin liên lạc phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn;

Căn cứ vào đặc điểm tình hình nhiệm vụ, biên chế về lực lượng PTTT của Đại đội;

Đại đội 1 xây dựng kế hoạch triển khai, bảo đảm TTLL Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2023 như sau:

**I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CÁC MẶT ẢNH HƯỞNG ĐẾN TTLL**

**1. Tình hình chung**

Những năm gần đây tình tình thiên tai mưa, bão diễn biến hết sức phức tạp. Trên địa bàn Đại đội đảm nhiệm PCTT-TKCN năm 2022 mặc dù chưa xảy ra lũ lụt lớn xong thời tiết diễn biến hết sức phức tạp.

Năm 2023 theo dự báo của Trung tâm Dự báo khí tượng thuỷ văn Quốc gia do tác động của biến đổi khí hậu, tình hình thời tiết, khí hậu tiếp tục diễn biến rất phức tạp, cực đoan và khó lường. Dự báo mùa mưa bão năm 2023 đến sớm, có khoảng 11- 13 cơn bão và áp thấp nhiệt đới hoạt động trên khu vực Biến đông và trong đó có khoảng 5-6 cơn bão ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền nước ta. Nắng nóng sẽ ở mức nhiều và gay gắt hơn năm 2022. Đòi hỏi lực lượng thông tin phải chuẩn bị nhiều phương án PCTT-TKCN khi tình huống xảy ra.

**2. Tình hình ta**

- Đại đội thực hiện nhiệm vụ PCTT-TKCN trên địa bàn rộng gồm 5 tỉnh, TTVTĐ phải triển khai bảo đảm theo nhiều phương án, bố trí nhiều lực lượng phương tiện khí tài. Thông tin liên lạc phải triển khai trong thời gian gấp, địa bàn không quen thuộc đòi hỏi cán bộ chiến sỹ TTVTĐ phải thường xuyên luyện tập thuần thục các yếu lĩnh động tác, các phương án, kịp thời xử trí, ứng phó khi tình huống xảy ra.

- Thông tin quân sự ở 1 số địa phương còn hạn chế, khí tài VTĐ còn chưa đồng bộ; gây khó khăn khi tiếp hợp kĩ thuật và hiệp đồng thông tin.

**3. Tình hình địa bàn thời tiết**

- Địa hình nơi đơn vị thực hiện nhiệm vụ là địa hình trung du và đồng bằng, Có nhiều khu công nghiệp, nhiều nhà cao tầng, ảnh hưởng đến cự ly liên lạc VTĐscn.

- Thời tiết mưa gió, bão lũ độ ẩm cao gây ảnh hưởng đến chất lượng khí tài.

**4**. **Các khu vực đơn vị bảo đảm**

- Huyện Văn Giang-Tỉnh Hưng Yên.

- Huyện Sơn Động - Tỉnh Bắc Giang.

- Huyện Hữu Lũng, TP Lạng Sơn- Tỉnh Lạng Sơn.

- TP Bắc Ninh- Tỉnh Bắc Ninh.

- Huyện Quế Võ - Tỉnh Bắc Ninh.

- Gia Bình- Lương Tài-Thuận Thành (Tỉnh Bắc Ninh).

- Huyện Thanh Hà- Tỉnh Hải Dương.

- Huyện Kim Thành- Hải Dương.

- Huyện Nam Sách- tỉnh Hải Dương.

- Huyện Lục ngạn - Tỉnh Bắc Giang.

**II. NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI, BẢO ĐẢM TTLL CỦA ĐẠI ĐỘI**

1. Duy trì và đảm bảo mạng thông tin liên lạc tại SCH thường xuyên của Sư đoàn thông suốt phục vụ sẵn sàng chiến đấu và thực hiện nhiệm vụ của đơn vị tại vị trí đóng quân.

2. Triển khai, bảo đảm thông tin liên lạc cho Sư đoàn chỉ huy các lực lượng cơ động tham gia thực hiện các nhiệm vụ theo các phương án của Sư đoàn.

3. Triển khai, bảo đảm cho Sư đoàn liên lạc với trên, hiệp đồng với địa phương, Quân khu 1,3, các đơn vị bạn trong khu vực đảm nhiệm.

4. Triển khai, bảo đảm chuyển nhận kịp thời các tín hiệu TBBĐ.

5. Triển khai, bảo đảm TTLL chỉ huy chỉ đạo công tác HC-KT.

**III. SỬ DỤNG, BỒ TRÍ TRIỂN KHAI LỰC LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN**

**PHẦN I: HỆ THỐNG TTLL CỐ ĐỊNH**

**1. Tổng trạm TT, trạm TT:**

- T4SCHtx/f tại Kép Hai ( 64.66.9) huyện Lục Ngạn - tỉnh Bắc Giang hoạt động 24/24h.

**2. Triển khai, bảo đảm các đường TT VTĐ bảo đảm cho chỉ huy, hiệp đồng,TBBĐ:**

\* LL với trên

- Đặt máy tham gia liên lạc Hướng định giờ số 01 của SCHtx/qđ, LL báo bằng VRU-611 ngày 08 phiên (07.00 -10.00 -16.00 - 20.00 và 12.30 - 14.40 - 18.30 - 21.40) theo quy ước LLtx.

- Đặt máy tham gia liên lạc Mạng số 10 của SCHtx/qđ ( trong mạng còn có TQS, Lu203, lu164, lu673 bằng máy VRU-812 liên lạc thoại 24/24 giờ theo quy ước LLtx.

- Triển khai, bảo đảm Mạng số 11 TBBĐ của SCHtx/qđ: 24/24 giờ.

- Triển khai, bảo đảm Mạng số 12 canh của SCHtx /qđ: 24/24 giờ.

- Triển khai, bảo đảm Mạng số 13,14 VTĐscn của SCHtx /qđ với các đơn vị: 24/24 giờ.

\* LL với dưới

- Triển khai, bảo đảm Hướng định giờ số 01, 02, 03 của SCHtx/f325 liên lạc với 3eBB bằng máy VRU-611: với eBB95 ngày 02 phiên (08.00 – 15.00), với eBB101 ngày 03 phiên (09.00 - 12.00 - 16.00), với eBB18 ngày 03 phiên (07.30 - 14.00 - 22.00) theo quy ước LLtx.

- Triển khai, bảo đảm Mạng số 04 VTĐscn của SCHtx/f với 3eBB : 24/24h.

- Triển khai, bảo đảm Mạng số 05 VTĐscn của SCHtx/f với các TĐPK/3eBB + d16 : 24/24h.

**PHẦN II: CƠ ĐỘNG, TRIỂN KHAI BẢO ĐẢM TTLL PCTT-TKCN Ở CÁC KHU VỰC**

**A – TRIỂN KHAI CÁC TỔNG TRẠM, TRẠM TT:**

**1. Triển khai các Tổng trạm TT, trạm TT**

**a) Tại khu vực huyện Lục Ngạn - tỉnh Bắc Giang**

- T4SCHtx/f tại Kép Hai (64.66.9) hoạt động 24/24h

**b) Tại khu vực huyện Sơn Động - tỉnh Bắc Giang**

- T4/SCHct/f tại: UBND TT An Châu

**c) Tại khu vực huyện Văn Giang– tỉnh Hưng Yên**

- T4/SCHct/f tại: UBND xã Xuân Quan/Văn Giang

**d) Tại khu vực huyện thanh Hà – tỉnh Hải Dương**

- T4SCH/f: Lai Xá - Thanh Thuỷ - Thanh Hà - HD (08.50.1)

Sẵn sàng cơ động ứng cứu trên địa bàn huyện Kim Thành, Nam sách, tỉnh Hải Dương.

**e) Tại khu vực huyện Hữu Lũng, Thành phố Lạng Sơn (tỉnh Lạng Sơn)**

**-** T4SCHct/f tại : Ga Sông Hoá - Hữu Lũng (84.56.6)

**-** T4SCHdb/f tại Ban CHQS TP.Lạng Sơn (Phường Chi Lăng) (94.62.1), Ban CHQS huyÖn Cao Léc.

f) Tại khu vực huyện Gia Bình, Lương Tài, Thuận Thành - tỉnh Bắc Ninh

- T4SCHct/f tại: §ång V¨n - H. ThuËn Thµnh- Bắc Ninh (30.10.8).

- T4SCHdb/f tại: Trung Kªnh - H.L­ư¬ng Tµi - Bắc Ninh (26.34.1).

**g) Tại khu vực Thành Phố Bắc Ninh**

- T4SCH/f tại: UBND Phư­êng Khóc Xuyªn - Thành Phố Bắc Ninh(42.08.9).

**h) Tại khu vực huyện Quế Võ - Bắc Ninh**

- T4SCH/f tại: UBND x· Bằng An- H.Quế Võ-BN (40.20.1).

**2. Triển khai, bảo đảm hệ thống TT VTĐ**

**a) Tại khu vực Lục Ngạn (tỉnh Bắc Giang)**

*Tại T4SCHtx/f*

- Hướng số 01 SCHtx/f LL với SCHcđ/e18 bằng máy VRU-812S, LL chế độ thoại 24/24h.

- Hướng số 02 SCHtx/f LL với d14 bằng máy VRU-812S, LL chế độ thoại 24/24h.

- Hướng số 03 SCHtx/f LL với d16 bằng máy VRU-812S, LL chế độ thoại 24/24h.

- VC số 04 SCHtx/f LL với dBB7, bằng máy VRU-812S, LL chế độ thoại 24/24h.

**b) Tại khu vực huyện Sơn Động (tỉnh Bắc Giang)**

***+ Liên lạc với trên***

- Đặt máy tham gia hướng định giờ số 01 SCHtx/qđ bằng máy VRU-611, LL chế độ Báo + thoại. (Theo QW thường xuyên)

- Đặt máy tham gia mạng số 01 của SCHcđ/qđ bằng máy VRU-611, LL chế độ thoại USB- báo CW. Giờ LL: 06.00 - 13.00

- Đặt máy tham gia mạng số 02 của SCHcđ/qđ trong mạng còn có SCHcđ/eBB18 bằng máy VRU-812, LL thoại 24/24h.

- Mạng canh số 21 VTĐsn tại SCHtx/qđ. Các đơn vị được phép LL khi cần thiết

***+ Liên lạc với dưới***

- Triển khai, bảo đảm Hướng định giờ số 01 SCHtx/f với SCHcđ/f bằng VRU-611, LL thoại USB- báo CW ngày 2 phiên.

- Triển khai, bảo đảm Mạng số 02 của SCHcđ/f với SCHcđ/eBB18 và BCHQS Huyện (dk) bằng máy VRH-811S, LL chế độ thoại 24/24h.

- Triển khai, bảo đảm Vượt cấp số 03/f (số 03/qđ) xuống các cBB, dBB9/eBB18 bằng máy VRH-811S, LL chế độ thoại.

**c) Tại khu vực huyện Văn Giang (tỉnh Hưng Yên)**

***+ Liên lạc với trên***

- Đặt máy tham gia hướng định giờ số 01 SCHtx/qđ ( gồm f325, f306, e203, e219, eBB18 bằng máy VRU-611, LL chế độ Báo + thoại. (Theo QW thường xuyên)

- Đặt máy tham gia mạng số 01 của SCHcđ/qđ bằng máy VRU-611 LL chế độ thoại USB- báo CW. Giờ LL: f325 (06.00- 13.00).

- Đặt máy tham gia mạng số 2 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB18 bằng máy VRU-812, LL thoại 24/24h.

- Mạng canh số 21 VTĐsn tại SCHtx/qđ. Các đơn vị được phép LL khi cần thiết

***+ Liên lạc với dưới***

- Hướng định giờ số 01 SCHtx/f với SCHcđ/f bằng VRU-611, LL thoại USB- báo CW ngày 2 phiên.

- Mạng số 02 của SCHcđ/f với SCHcđ/eBB18 và BCHQS Huyện (dk) bằng máy VRH-811S, LL chế độ thoại 24/24h.

- Vượt cấp số 03/f (số 03/qđ) xuống các cBB, dBB7/eBB18 bằng máy VRH-811S, LL chế độ thoại.

**d) Tại khu vực huyện Thanh Hà- tỉnh Hải Dương**

***+ Liên lạc với trên***

- Đặt máy tham gia hướng định giờ số 01 SCHtx/qđ với SCHtx/f325, f306, e203,e219, eBB18 bằng máy VRU-611, LL chế độ Báo + thoại. (Theo QW thường xuyên)

- Đặt máy tham gia mạng số 01 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB18 bằng máy VRU-611 LL chế độ thoại USB- báo CW. Giờ LL: f325 (06.00- 13.00) eBB18 (07.00- 14.00).

- Đặt máy tham gia mạng số 02 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB18 bằng máy VRU-812, LL thoại 24/24h.

- Mạng canh số 21 VTĐsn tại SCHtx/qđ. Các đơn vị được phép LL khi cần thiết

***+ Liên lạc với dưới***

- Hướng định giờ số 01 SCHtx/f với SCHcđ/f bằng VRU-611, LL thoại USB- báo CW ngày 2 phiên.

- Mạng số 2 của SCHcđ/f với SCHcđ/eBB18 và BCHQS Huyện (dk) bằng máy VRH-811S, LL chế độ thoại 24/24h.

- Vượt cấp số 3/f (số 3/qđ) xuống các dBB8/eBB18, c17/eBB18 bằng máy VRH-811S, LL chế độ thoại.

***+ Liên lạc hiệp đồng***

- Mạng HĐ số 01 của Quân khu 3 bằng máy VRU-611, LL báo - thoại ngày 3 phiên. Sẵn sàng LL 24/24h.

- Mạng HĐ số 02 của Quân Khu 3 bằng máy VRU-812, LL thoại 24/24h

**e) Tại khu vực huyện Kim Thành- tỉnh Hải Dương**

***+ Liên lạc với trên***

- Đặt máy tham gia hướng định giờ số 01 SCHtx/qđ với SCHtx/f325, f306, e203, e219, eBB18 bằng máy VRU-611, LL chế độ Báo + thoại. (Theo QW thường xuyên)

- Đặt máy tham gia mạng số 01 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB18 bằng máy VRU-611 LL chế độ thoại USB- báo CW. Giờ liên lạc: f325 (06.00- 13.00) eBB18 (07.00 - 14.00).

- Đặt máy tham gia mạng số 2 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB18 bằng máy VRU-812, LL thoại 24/24h.

- Mạng canh số 21 VTĐsn tại SCHtx/qđ. Các đơn vị được phép LL khi cần thiết

***+ Liên lạc với dưới***

- Hướng định giờ số 01 SCHtx/f với SCHcđ/f bằng VRU-611, LL thoại USB- báo CW ngày 2 phiên.

- Mạng số 02 của SCHcđ/f với SCHcđ/eBB18 và BCHQS Huyện (dk) bằng máy VRH-811S, LL chế độ thoại 24/24h.

- Vượt cấp số 03/f (số 03/qđ) xuống dBB9/eBB18 bằng máy VRH-811S, LL chế độ thoại.

**\* *Liên lạc hiệp đồng***

- Mạng HĐ số 01 của Quân khu 3 bằng máy VRU-611, LL báo - thoại ngày 3 phiên. Sẵn sàng LL 24/24h.

- Mạng HĐ số 02 của Quân Khu 3 bằng máy VRU-812, LL thoại 24/24h

**f) Tại khu vực huyện Nam Sách- tỉnh Hải Dương**

***+ Liên lạc với trên***

- Đặt máy tham gia hướng định giờ số 01 SCHtx/qđ với SCHtx/f325, f306, e203, e219, eBB18 bằng máy VRU-611, LL chế độ Báo + thoại. (Theo QW thường xuyên)

- Đặt máy tham gia mạng số 01 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB18 bằng máy VRU-611 LL chế độ thoại USB- báo CW. Giờ LL: f325 (06.00- 13.00) eBB18 (07.00- 14.00).

- Đặt máy tham gia mạng số 02 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB18 bằng máy VRU-812, LL thoại 24/24h.

- Mạng canh số 21 VTĐsn tại SCHtx/qđ. Các đơn vị được phép LL khi cần thiết

***+ Liên lạc với dưới***

- Hướng định giờ số 1 SCHtx/f với SCHcđ/f bằng VRU-611, LL thoại USB- báo CW ngày 2 phiên.

- Mạng số 2 của SCHcđ/f với SCHcđ/eBB18 và BCHQS Huyện (dk) bằng máy VRP-811A, LL chế độ thoại 24/24h.

- Vượt cấp số 3/f (số 3/qđ) xuống các c14, c15,c17/eBB18 bằng máy VRP-811A, LL chế độ thoại.

***+ Liên lạc hiệp đồng***

- Mạng HĐ số 01 của Quân khu 3 bằng máy VRU-611, LL báo - thoại ngày 3 phiên. Sẵn sàng LL 24/24h.

- Mạng HĐ số 02 của Quân Khu 3 bằng máy VRU-812, LL thoại 24/24h.

**g) Tại khu vực khu vực huyện Hữu Lũng, thành phố Lạng Sơn (tỉnh Lạng Sơn**)

***+ Liên lạc với trên***

- Đặt máy tham gia hướng định giờ số 01 SCHtx/qđ với SCHtx/f325, f306, e203, e219, eBB95 bằng máy VRU-611, LL chế độ Báo + thoại. (Theo QW thường xuyên)

- Đặt máy tham gia mạng số 01 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB95 bằng máy VRU-611 LL chế độ thoại USB- báo CW. Giờ LL: f325 (06.00- 13.00) eBB95 (07.00- 14.00).

- Đặt máy tham gia mạng số 02 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB95 bằng máy VRU-812, LL thoại 24/24h.

- Mạng canh số 21 VTĐsn tại SCHtx/qđ. Các đơn vị được phép LL khi cần thiết

***+ Liên lạc với dưới***

- Hướng định giờ số 01 SCHtx/f với SCHcđ/f bằng VRU-611, LL thoại USB- báo CW ngày 2 phiên.

- Mạng số 02 của SCHcđ/f với SCHcđ/eBB95 và BCHQS Huyện (dk) bằng máy VRH-811S, LL chế độ thoại 24/24h.

- Vượt cấp số 03/f (số 03/qđ) xuống các c14,15,16/eBB95 bằng máy VRH-811S, LL chế độ thoại.

**h) Tại khu vực huyện Gia Bình, Lương Tài, Thuận Thành - tỉnh Bắc Ninh**

***+ Liên lạc với trên***

- Đặt máy VRU-611 tham gia mạng số 01 của SCHcđ/qđ tại Gia Bình với SCHcđ/f325, L219 và dk TCCH/qđ, LL chế độ thoại USB + báo CW Giờ LL: đầu giờ lẻ (07.00- 23.00) sẵn sàng LL 24/24 giờ. (SCHcđ/e95 sẵn sàng tham gia liên lạc trong mạng)

- Đặt máy VRU-812 tham gia mạng số 02 của SCHcđ/qđ tại Gia Bình với SCHcđ/f325,L219 và dk TCCH/qđ, LL chế độ thoại 24/24h(SCHcđ/e95 sẵn sàng tham gia liên lạc trong mạng)

- Quân đoàn tổ chức mạng canh số 06 VTĐsn và số 07 VTĐscn.

***+ Liên lạc với dưới***

- Hướng định giờ số 01 của SCHcđ/f với SCHtx/f bằng VRU-611, LL thoại USB+báo CW ngày 2 phiên ( 09.00, 16.00)

- Mạng số 02 của SCHcđ/f với SCHcđ/eBB95 và BCHQS huyện Gia Bình bằng máy VRU-812, LL chế độ thoại 24/24h.

-Vượt cấp số 03 của SCHcđ/f xuống các SCH/eBB95 ở các huyện Gia Bình, Lương Tài, Thuận Thành bằng máy VRU-611 chế độ thoại USB 24/24h.

- Vượt cấp số 04,05,06 của f (VC số 03/qđ) xuống các đơn vị/e95 ở Thuận Thành, Gia Bình, Lương Tài bằng máy VRU-812S, LL chế độ thoại 24/24h

**i) Tại khu vực Thành Phố Bắc Ninh**

***+ Liên lạc với trên***

- Đặt máy VRU-812 sẵn sàng tham gia mạng số 17 của BTTM liên lạc với SCHcđ/qđ, TQS, Lữ164, SCHcđ/e101, LL chế độ thoại 24/24h.

- Đặt máy VRU-812 tham gia mạng số 18 của BTTM liên lạc với SCHcđ/qđ, SCHcđ/f325, Lữ 203, Lữ 219 , LL chế độ thoại 24/24h.

- Đặt máy VRU- 812 tham gia mạng số 01 của qđ liên lạc với SCHcđ/f325, TQS, Lữ164 và TCCH/qđ, LL chế độ thoại 24/24h.

- Mạng canh số 10 VTĐsn tại SCHtx/qđ và số 11 VTĐscn tại SCHcđ/qđ

***+ Liên lạc với dưới:***

- Hướng định giờ số 01 của SCHcđ/f với SCHtx/f bằng VRU-611, LL thoại USB+báo CW ngày 2 phiên.

- Mạng số 02 của SCHcđ/f với SCHcđ/eBB101 và BCHQS TP Bắc Ninh (dk) bằng máy VRH-811S, LL chế độ thoại 24/24h.

- Vượt cấp số 03 của SCHcđ/f xuống dBB3, c18,c24, c25/eBB101 bằng máy VRU-812S, LL chế độ thoại 24/24h.

- Vượt cấp số 04 của SCHcđ/f (VC số 02/qđ) xuống d14,15,16,17,18/f bằng máy VRH-812, LL chế độ thoại 24/24h.

**k) Tại khu vực huyện Quế Võ- Bắc Ninh**

***+ Liên lạc với trên***

- Đặt máy VRU-812 sẵn sàng tham gia mạng số 17 của BTTM liên lạc với SCHcđ/qđ, TQS, Lữ164, SCHcđ/e101, LL chế độ thoại 24/24h.

- Đặt máy VRU-812 tham gia mạng số 18 của BTTM liên lạc với SCHcđ/f325, Lữ 203, 219 (dk có SCH/qđ tham gia), LL chế độ thoại 24/24h.

- Đặt máy VRU-812 sẵn sàng tham gia mạng số 05 của quân đoàn liên lạc với SCHcđ/e101, Lữ 203, 219 và TCCH/qđ - H.Quế Võ) qua TGCT, LL chế độ thoại 24/24h.

- Mạng canh số 10 VTĐsn tại SCHtx/qđ và số 11 VTĐscn tại SCHcđ/qđ

***+ Liên lạc với dưới***

-Hướng định giờ số 01 của SCHcđ/f với SCHtx/f bằng VRU-611, LL thoại USB+báo CW ngày 2 phiên.

- Vượt cấp số 02 của SCHcđ/f xuống các cTT 14, 15,16, 17, 20/eBB101 bằng máy VRH-811S, LL chế độ thoại 24/24h.

- Vượt cấp số 03 của SCHcđ/f (VC số 06/qđ) xuống các dBB1,2,3/eBB101 bằng máy VRU-812S, LL chế độ thoại 24/24h.

**IV. CÁC BIỆN PHÁP TRIỂN KHAI GIỮ VỮNG TTLL**

- Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục cho 100% cán bộ, chiến sỹ trong đơn vị nhận thức rõ việc PCTT - TKCN là trách nhiệm của mọi người, của toàn xã hội. Đây là nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chiến đấu của Quân đội trong thời bình.

- Tổ chức luyện tập, hợp luyện thành thục các động tác triển khai và bảo đảm TTLL trong điều kiện thiên tai, thảm hoạ bão lũ sảy ra .

- Tổ chức tuần tra canh gác bảo vệ các trạm, tuyến thông tin trọng yếu, bảo đảm hệ thống TTLL thông suốt trong mọi tình huống, chống các hành vi phá hoại hệ thống thông tin của đơn vị.

- Tổ chức tăng phiên ca hợp lý, tăng người và phương tiện thông tin để giữ vững thông tin liên lạc trong mọi tình huống. Tập trung đảm bảo cho hướng các đơn vị làm nhiệm vụ của phương án.

- Phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ với chính quyền địa phương, lực lượng thông tin qk1, qk3, lực lượng thông tin địa phương trên địa bàn, bảo đảm TTLL theo từng giai đoạn, khu vực.

- Duy trì nghiêm chế độ bảo quản, bảo dưỡng; thường xuyên kiểm tra số lượng, chất lượng, hệ số kỹ thuật các trang thiết bị, khí tài thông tin, đặc biệt là nguồn điện, ắc quy, pin (có cơ số dự phòng) bảo đảm luôn ở trạng thái tốt, có biện pháp chống ẩm ướt cho các phương tiện làm việc ngoài trời như túi ni lông bọc máy khi thời tiết mưa, ẩm ...; khi cơ động phải bảo đảm ít nhất có 3 nguồn cho máy VTĐ và máy phát điện quay tay.

- Quy ước, mật danh, kế hoạch và các giấy tờ liên quan phải ép Platic hoặc bọc trong túi ni lông tránh bị ướt, rách.

- Có lực lượng dự bị hợp lý, kịp thời xử trí các tình huống đột xuất. sau khi lực lượng thông tin cơ động đi làm nhiệm vụ, đơn vị phải tổ chức ngay lực lượng thông tin dự bị mới sẵn sàng đi làm nhiệm vụ tiếp theo khi có lệnh.

**V. NHIỆM VỤ CỦA CÁC ĐƠN VỊ THÔNG TIN THUỘC QUYỀN**

**1 -Tại khu vực huyện Văn Giang tỉnh Hưng Yên**

***a- Trung đội 1:***

*-* Quân số = 02 đ/c (CN = 01 đ/c, HSQ-CS = 01 đ/c).

- Phương tiện : máy VRU-611= 03 bộ.

- có nhiệm vụ:

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia Hđg.số 01 của qđ (trong mạng có SCHtxqđ, dự kiến có eBB18). Khi có lệnh chuyển qua M.số 01 qđ để liên lạc với SCHcđqđ và SCH eBB18

+ Khi mất liên lạc thì gọi canh trên M.số 21 canh sn/qđ.

+ Triển khai bảo đảm 01 máy tham gia H.đg số 01 của f (để SCHcđ liên lạc với SCHtx của f).

***b- Trung đội 2:***

*-* Quân số = 02 đ/c (HSQ-CS = 02 đ/c).

- Phương tiện : Máy VRU-812= 05 bộ.

- Nhiệm vụ:

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào M.số 02 của qđ (trong mạng có SCHcđqđ, eBB18).

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào M.số 02 của f ( trong mạng có eBB18, dự kiến còn có CHQS huyện).

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào VC.số 03 của f (trong mạng có eBB18, dBB7, SCHtx qđ tham gia).

**2 -Tại khu vực huyện Sơn Động tỉnh Bắc Giang**

***a- Trung đội 1:***

*-* Quân số = 02 đ/c (SQ = 01 đ/c, CN = 01 đ/c).

- Phương tiện : máy VRU-611= 03 bộ.

- có nhiệm vụ:

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia Hđg.số 01 của qđ (trong mạng có SCHtx qđ, dự kiến có eBB18). Khi có lệnh chuyển qua M.số 01 qđ để liên lạc với SCHcđqđ và eBB18

+ Khi mất liên lạc thì gọi canh trên M.số 21 canh sn/qđ.

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia H.đg số 01 của f (để SCHcđ liên lạc với SCHtx của f).

***b- Trung đội 2:***

*-* Quân số = 02 đ/c (HSQ-CS = 02 đ/c).

- Phương tiện : Máy VRU-812= 05 bộ.

- Nhiệm vụ:

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào M.số 02 của qđ (trong mạng có SCHcđqđ, eBB18).

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào M.số 02 của f ( trong mạng có eBB18, dự kiến còn có CHQS huyện).

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào VC.số 03 của f (trong mạng có eBB18, dBB9, SCHtx qđ tham gia).

**3 -Tại khu vực huyện Hữu Lũng –T.p Lạng Sơn- tỉnh Lạng Sơn.**

***a- Trung đội 1:***

*-* Quân số = 02 đ/c (CN = 01 đ/c, HSQ-CS = 01 đ/c).

- Phương tiện : máy VRU-611= 03 bộ.

- có nhiệm vụ:

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia Hđg.số 01 của qđ (trong mạng có SCHtx qđ, dự kiến có eBB95). Khi có lệnh chuyển qua M.số 01 qđ để liên lạc với SCHcđqđ và eBB95.

+ Khi mất liên lạc thì gọi canh trên M.số 21 canh sn/qđ.

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia H.đg số 01 của f (để SCHcđ liên lạc với SCHtx của f).

***b- Trung đội 2:***

*-* Quân số = 02 đ/c (HSQ-CS = 02 đ/c).

- Phương tiện : Máy VRU-812= 04 bộ.

- Nhiệm vụ:

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào M.số 02 của qđ (trong mạng có SCHcđqđ, eBB95).

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào M.số 02 của f ( trong mạng có eBB95, dự kiến còn có CHQS huyện).

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào VC.số 03 của f (trong mạng có eBB95, c14, 15, 16, 17, 18, 24, SCHtx qđ).

**4 -Tại khu vực Thành Phố Bắc Ninh tỉnh Bắc Ninh**

***a- Trung đội 1:***

*-* Quân số = 02 đ/c (CN = 01 đ/c, HSQ- CS = 01 đ/c).

- Phương tiện : máy VRU-611= 03 bộ.

- có nhiệm vụ:

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia H.đg số 01 của f (để SCHcđ liên lạc với SCHtx của f).

+ Dự kiến triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào M.số 10 canh sn/qđ.

***b- Trung đội 2:***

*-* Quân số = 02 đ/c (HSQ-CS = 02 đ/c).

- Phương tiện : Máy VRU-812= 04 bộ, Visat = 01 bộ.

- Nhiệm vụ:

+ Tại SCHtx/f triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào M.số 01 của qđ (trong mạng có TQS, L164, SCHcđ/qđ, BTTM- TPBN vượt cấp xuống, dự kiến còn có lực lượng TCCH/qđ).

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào M.số 02 của f (trong mạng có eBB101, dự kiến còn có BCHQS TP BN).

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào VC.số 03 của f ( trong mạng có eBB101,dBB3,c18,24,25).

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào VC.số 04 của f (trong mạng có eBB101, d14,15,16,17,18, SCHcđ qđ tham gia).

+ Nếu mất liên lạc thì đặt máy tham gia M.canh 11 scn/qđ.

**5 -Tại khu vực huyện Quế Võ tỉnh Bắc Ninh**

***a- Đại đội bộ:***

*-* Quân số = 01 đ/c (SQ = 01 đ/c).

- Phương tiện : máy VRU-611 = 01 bộ.

- có nhiệm vụ:

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia H.đg số 01 của f (để SCHcđ liên lạc với SCHtx của f). Khi mất liên lạc gọi canh trên M.số 10 canh sn/qđ.

***b- Trung đội 1:***

*-* Quân số = 01 đ/c (CN = 01 đ/c).

- Phương tiện : máy VRU-611= 02 bộ.

- có nhiệm vụ là lực lượng dự bị sẵn sàng:

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia H.đg số 01 của f (để SCHcđ liên lạc với SCHtx của f).

+ Khi mất liên lạc thì gọi canh trên M.số 10 canh sn/qđ.

***c- Trung đội 2:***

*-* Quân số = 02 đ/c (HSQ-CS = 02 đ/c).

- Phương tiện : Máy VRU-812= 07 bộ, Visat = 01 bộ.

- Nhiệm vụ:

+ Tại SCHcđ/f triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào M.số 18/BTTM (trong mạng có L203, L219, BTTM-QV, dự kiến có SCHcđ/qđ tham gia).

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào M.số 02 của f (trong mạng có eBB101,c14,15,16,17,20).

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào VC.số 03 của f ( trong mạng có eBB101, các dBB1,2,3, SCHcđ/qđ).

+ Khi mất liên lạc thì gọi canh trên M.canh 11 scn/qđ.

**6 - Tại khu vực huyện Gia Bình– Lương Tài– Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh**

***a- Trung đội 1:***

*-* Quân số = 02 đ/c (HSQ- CS = 02 đ/c).

- Phương tiện : máy VRU-611= 04 bộ.

- có nhiệm vụ:

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia M.số 01 của qđ (để SCHcđ liên lạc với SCHcđ/qđ, L219 và dự kiến còn có máy của TCCH/qđ tham gia).

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia H.đg số 01 của f (để SCHcđ liên lạc với SCHtx của f).

+ Dự kiến triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào VC.số 03 của f (M.số 01/e).

+ Khi mất liên lạc thì gọi canh trên M.số 06 canh sn/qđ.

***b- Trung đội 2:***

*-* Quân số = 02 đ/c (SQ= 01 đ/c, HSQ-CS = 01 đ/c).

- Phương tiện : Máy VRU-812 = 06 bộ.

- Nhiệm vụ:

+ Tại SCHcđ/f triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào M.số 02 của qđ (trong mạng có L219, SCHcđ/qđ, dự kiến còn có lực lượng TCCH/qđ).

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào M.số 02 của f (trong mạng có eBB95 tại thị xã Thuận Thành, dự kiến còn có BCHQS thị xã Thuận Thành).

+ Nếu mất liên lạc thì gọi canh trên M.canh 07 scn/qđ.

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào VC.số 04 của f ( trong mạng có eBB95 tại thị xã Thuận Thành, dBB4, dBB5,c17,c18,c24 và đài vượt cấp của Quân đoàn).

+ Khi được lệnh thì chuyển máy tham gia vào VC.số 05 của f (trong mạng có eBB95 tại huyện Lương Tài, dBB6, c18,20,24, dự kiến có đài của Quân đoàn vượt cấp xuống).

+ Khi được lệnh thì chuyển máy tham gia vào VC.số 06 của f (trong mạng có eBB95 tại huyện Gia Bình, dBB5, dBB6, c18,24,25, dự kiến có đài của Quân đoàn vượt cấp xuống).

**7 -Tại khu vực huyện Thanh Hà tỉnh Hải Dương**

***a- Trung đội 1:***

*-* Quân số = 02 đ/c (HSQ-CS = 02 đ/c).

- Phương tiện: máy VRU-611= 05 bộ.

- có nhiệm vụ:

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia H.đg số 01 của qđ (trong mạng có SCHtx/qđ, dự kiến còn có eBB18). Dự kiến khi có lệnh thì chuyển máy tham gia vào M.số 01 của qđ (trong mạng có SCHcđ/qđ, eBB18)

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia H.đg số 01 của f (để SCHcđ liên lạc với SCHtx của f).

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia M.HĐ số 01 của qk3 (trong mạng có qk3).

***b- Trung đội 2:***

*-* Quân số = 02 đ/c (SQ=01 đ/c, HSQ-CS = 01 đ/c).

- Phương tiện: Máy VRU-812= 04 bộ.

- Nhiệm vụ:

+ Tại SCHcđ/f triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào M.số 02/qđ (trong mạng có eBB18, SCHcđ/qđ).

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào M.số 02 của f (trong mạng có eBB18, dự kiến có CHQS huyện Thanh Hà tham gia).

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào VC.số 03 của f ( trong mạng có eBB18, các dBB8, c17 và SCHcđ/qđ vượt cấp xuống).

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào M.ĐG số 02 của qk3 ( trong mạng có qk3).

**8 -Tại khu vực huyện Kim Thành tỉnh Hải Dương**

***a- Trung đội 1:***

*-* Quân số = 02 đ/c (HSQ-CS = 02 đ/c).

- Phương tiện: máy VRU-611= 05 bộ.

- có nhiệm vụ:

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia H.đg số 01 của qđ (trong mạng có SCHtx/qđ, dự kiến còn có eBB18). Dự kiến khi có lệnh thì chuyển máy tham gia vào M.số 01 của qđ (trong mạng có SCHcđ/qđ, eBB18)

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia H.đg số 01 của f (để SCHcđ liên lạc với SCHtx của f).

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia M.HĐ số 01 của qk3 (trong mạng có qk3).

***b- Trung đội 2:***

*-* Quân số = 02 đ/c (SQ=01 đ/c, HSQ-CS = 01 đ/c).

- Phương tiện: Máy VRU-812= 04 bộ.

- Nhiệm vụ:

+ Tại SCHcđ/f triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào M.số 02/qđ (trong mạng có eBB18, SCHcđ/qđ).

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào M.số 02 của f (trong mạng có eBB18, dự kiến có CHQS huyện Kim Thành tham gia).

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào VC.số 03 của f ( trong mạng có eBB18, các dBB9 và SCHcđ/qđ vượt cấp xuống).

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào M.ĐG số 02 của qk3 ( trong mạng có qk3).

**9 -Tại khu vực huyện Nam Sách tỉnh Hải Dương**

***a- Trung đội 1:***

*-* Quân số = 02 đ/c (HSQ-CS = 02 đ/c).

- Phương tiện: máy VRU-611= 05 bộ.

- có nhiệm vụ:

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia H.đg số 01 của qđ (trong mạng có SCHtx/qđ, dự kiến còn có eBB18). Dự kiến khi có lệnh thì chuyển máy tham gia vào M.số 01 của qđ (trong mạng có SCHcđ/qđ, eBB18)

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia H.đg số 01 của f (để SCHcđ liên lạc với SCHtx của f).

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia M.HĐ số 01 của qk3 (trong mạng có qk3).

***b- Trung đội 2:***

*-* Quân số = 02 đ/c (SQ=01 đ/c, HSQ-CS = 01 đ/c).

- Phương tiện: Máy VRU-812= 04 bộ.

- Nhiệm vụ:

+ Tại SCHcđ/f triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào M.số 02/qđ (trong mạng có eBB18, SCHcđ/qđ).

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào M.số 02 của f (trong mạng có eBB18, dự kiến có CHQS huyện Nam Sách tham gia).

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào VC.số 03 của f ( trong mạng có eBB18, các c14, c15, c20 và SCHcđ/qđ vượt cấp xuống).

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia vào M.ĐG số 02 của qk3 ( trong mạng có qk3).

**10 -Tại khu vực huyện Lục Ngạn – Bắc Giang**

***a- Đại đội bộ:***

*-* Quân số = 01 đ/c (SQ = 01 đ/c).

- Phương tiện : máy VRU- 812 = 01 bộ.

- có nhiệm vụ:

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia H.số 01 của f (để SCHtx/f liên lạc với SCHcđ/e18).

***b- Trung đội 1:***

*-* Quân số = 01 đ/c (CN = 01 đ/c).

- Phương tiện : máy VRU-812= 01 bộ.

- có nhiệm vụ là lực lượng dự bị sẵn sàng:

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia H.số 02 của f (để SCHtx/f liên lạc với d14).

***c- Trung đội 2:***

*-* Quân số = 02 đ/c (HSQ-CS = 02 đ/c).

- Phương tiện : Máy VRU-812= 02 bộ.

- Nhiệm vụ:

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia H.số 03 của f (để SCHtx/f liên lạc với d16).

+ Triển khai, bảo đảm 01 máy tham gia VC.số 02 của f (để SCHtx/f liên lạc vượt cấp xuống eBB18, dBB7, cTT).

**VI. NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH VỀ HIỆP ĐỒNG, BẢO ĐẢM**

- Các Chỉ thị, kế hoạch TTLL, quy ước mật danh phải quản lý chặt chẽ, khí tài các phương án phải đồng bộ, bảo đảm kỹ thuật tốt.

- Chiến sĩ TT trước khi thực hiện nhiệm vụ phải có trình độ bơi khá và tốt, trang bị đầy đủ theo chuyên ngành, mang đầy đủ nilon bọc máy, địa chỉ và số điện thoại liên lạc (khi cần).

- Sử dụng mật ngữ QĐ87 khi thực hiện nhiệm vụ.

- Nhận tài liệu, quy ước, khí tài bổ sung tại Tiểu đoàn trước khi đi thực hiện nhiệm vụ.

- Tại các khu vực thực hiện nhiệm vụ theo các phương án các đơn vị tổ chức triển khai thông tin đến đầu mối các đơn vị.

**VII. TỔ CHỨC CHỈ HUY**

**1.Vị trí chỉ huy**

- VTCHtx Đại đội 1 tại thị chấn Chũ (64.66.8)

- VTCH/c1 khi bảo đảm TT VTĐ theo các phương án tại khu vực trùng với SCH của f cụ thể như sau:

- Tại khu vực Quế Võ – Bắc Ninh SCH/f : Bằng An- Quế Võ- Bắc Ninh (40.20.1)

- Khu vực huyện Gia Bình, Lương Tài, Thuận thành – Bắc Ninh SCH/f thôn Trung Thành - Đại La - Gia Bình - Bắc Ninh (32.24. 9)

- Tại khu vực huyện Thanh Hà - Hải Dương SCH/f Tại Lai Xã- Thanh Thủy Thanh Hà- Hải Dương (08.50.1)

- Khu vực tỉnh Hưng Yên SCH/f, Trường THCS/ TT Văn Giang- Hưng Yên ( 16.94.4).

- Khu vực huyện Thanh Trì -TP Hà Nội SCH/f tại Trường THCS Tả Thanh Oai (16.84.7).

- Khu vực tỉnh Lạng Sơn SCH/f) tại Ga sông Hóa- Chi Lăng (84.56.6).

- Khu vực huyện Sơn Động ( Bắc Giang ) tại Dốc Lẩy- Cẩm Đàn (63.82.7).

**2. Phân công chỉ huy**

- Chỉ huy lực lượng chống dột, chống sập tại trạm nước của sư đoàn và phòng, chống thiên tai và TKCN tại đơn vị: Đ/c Phó Đại đội trưởng.

- Chỉ huy triển khai, bảo đảm TT VTĐ tại vị trí đóng quân thường xuyên đ/c Đại đội trưởng.

- Chỉ huy triển khai, bảo đảm TT VTĐ tại khu vực Văn Giang Hưng Yên : đ/c Đài trưởng/b1.

- Chỉ huy triển khai, bảo đảm TT VTĐ tại khu vực huyện Sơn Động Bắc Giang: đ/c bt/b1.

- Chỉ huy triển khai, bảo đảm TT VTĐ tại khu vực huyện Hữu Lũng, TP Lạng Sơn tỉnh Lạng Sơn : đ/c Đài trưởng/b1.

- Chỉ huy triển khai, bảo đảm TT VTĐ tại khu vực Thành phố – Bắc Ninh: đ/c Đài trưởng/b1.

- Chỉ huy triển khai, bảo đảm TT VTĐ tại khu vực Quế Võ – Bắc Ninh: đ/c Đại đội trưởng/c1.

- Chỉ huy triển khai, bảo đảm TT VTĐ tại khu vực Gia Bình - Lương Tài - Thuận Thành(tỉnh Bắc Ninh); đ/c bt/b3.

- Chỉ huy triển khai, bảo đảm TT VTĐ tại khu vực Thanh Hà - Hải Dương : đ/c bt/b2.

- Chỉ huy triển khai, bảo đảm TT VTĐ tại khu vực Kim Thành - Hải Dương : đ/c bt/b2.

- Chỉ huy triển khai, bảo đảm TT VTĐ tại khu vực Nam Sách - Hải Dương : đ/c bt/b2.

- Chỉ huy triển khai, bảo đảm TT VTĐ tại khu vực Lục Ngạn – Bắc Giang : đ/c pct/c1.

**VIII. CÁC MỐC THỜI GIAN**

1. Thời gian xây dựng kế hoạch TTLL xong trước: ngày .../4/2023

2. Giao nhiệm vu cho cho các đơn vị: ngày .../4/2023

3. Thời gian hoàn thành công tác chuẩn bị: ngày 15/4/2023

4. Từ ngày 01/5/2023 sẵn sàng cơ động lực lượng, phương tiện thông tin đi thực hiện nhiệm vụ.

5. Báo cáo tình hình TTLL hàng ngày từ 14.00 – 14.30 về TB d18.

**IX. MỘT SỐ QUY ĐỊNH**

1. Chấp hành nghiêm một số quy định trong TTLL, tín hiệu liên lạc vượt cấp của đài BTTM là: *"909"*;của Quân đoàn là*"Sông Hồng";* của Sư đoàn là *”Sông Cầu”.*

2. Các quy ước, mật ngữ VTĐ, danh bạ phải được ép, bọc ni lông tránh mưa ướt; đáp ứng nhiệm vụ TTLL trong mọi điều kiện thời tiết.

3. Khi thông tin quân sự gặp khó khăn các đơn vị có thể sử dụng di động cá nhân kịp thời báo cáo tình hình hình với cấp trên và chỉ huy đơn vị cấp dưới.

4. Chế độ báo cáo: Khi thực hiện nhiệm vụ xong các đơn vị tổng hợp tình hình bảo đảm TTLL PCTT-TKCN báo cáo về TB d18. Khi có tình huống thiên tai có ảnh hưởng hoặc trực tiếp xảy ra trên địa bàn phải báo cáo ngay về trực ban d18 và trực ban Thông tin Sư đoàn *(số máy 845117).*

**X. CÁC PHỤ LỤC**

- Phân chia sử dụng lược lượng.

- sơ đồ TT VTĐ.

|  |
| --- |
| **ĐẠI ĐỘI TRƯỞNG**  **Đại úy Hồ Hồng Phong** |

**PHÂN CHIA SỬ DỤNG LỰC LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN**

**KHI ĐỒNG THỜI XẢY RA TRÊN CÁC ĐỊA BÀN**

| **Đơn vị** | **Nhiệm vụ triển khai** | **Thời gian** | | | **VTĐ** | | | | | **HTĐ** | | | | | **MÁY NỔ** | **QB** | | **QUÂN SỐ** | | | | **CHỈ HUY** | **GHI CHÚ** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hành quân** | **Triển khai** | **H. thành** | **XD- D9B1** | **VRU 611** | **M. Thu** | **VRU 812** | **VRP 811A** | **TĐ 20 số** | **MĐT nc** | **MĐT tđ** | **Dây (km)** | **VISAT** | **Xe đạp** | **SPH** | **+** | **SQ** | **CN** | **HSQ**  **- CS** |
| b1 | Lục ngan-Bắc Giang |  |  |  |  |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1 |  | Nguyễn Văn Dũng |  |
| b2 |  |  |  |  |  |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |  | 2 |  |
| b3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| cbộ |  |  |  |  |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 1 |  |  |  |
| **+** |  |  |  |  |  |  | **4** |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **4** | **1** | **1** | **2** |  |
| b1 | Sơn Động- Bắc Giang |  |  |  |  | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 1 | 1 |  | Phạm Văn Đạt |  |
| b2 |  |  |  |  |  |  | 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |  | 2 |  |
| b3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| cbộ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **+** |  |  |  |  | **3** |  | **5** |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **4** | **1** | **1** | **2** |  |
| b1 | Quế Võ- Bắc Ninh |  |  |  |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1 |  | Hồ Hồng Phong |  |
| b2 |  |  |  |  |  |  | 7 |  |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 2 |  |  | 2 |  |
| b3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| cbộ |  |  |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 1 |  |  |  |
| **+** |  |  |  |  | **3** |  | **7** |  |  |  |  |  | **1** |  |  |  | **4** | **1** | **1** | **2** |  |
| b1 | T.p- Bắc Ninh |  |  |  |  | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  | 1 | 1 | Ngô Văn Thuấn |  |
| b2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| b3 |  |  |  |  |  |  | 4 |  |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 2 |  |  | 2 |  |
| cbộ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **+** |  |  |  |  | **3** |  | **4** |  |  |  |  |  | **1** |  |  |  | **4** |  | **1** | **3** |  |
| b1 | G.Bình, L.Tài, T.Thành |  |  |  |  | 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |  | 2 | Nguyễn Viết Hùng |  |
| b2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| b3 |  |  |  |  |  |  | 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 1 |  | 1 |  |
| cbộ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **+** |  |  |  |  | **4** |  | **3** |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **4** | **1** |  | **3** |  |
| b1 | Thanh Hà- Hải Dương |  |  |  |  | 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |  | 2 | Đỗ Anh Tuyền |  |
| b2 |  |  |  |  |  |  | 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 1 |  | 1 |  |
| b3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| cbộ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **+** |  |  |  |  | **5** |  | **4** |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **4** | **1** |  | **3** |  |
| b1 | Văn Giang-Hưng Yên |  |  |  |  | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  | 1 | 1 | Hoàng Hữu Hạnh |  |
| b2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| b3 |  |  |  |  |  |  | 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |  | 2 |  |
| cbộ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **+** |  |  |  |  | **3** |  | **5** |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **4** |  | **1** | **3** |  |
| b1 | Hữu Lũng- Tp. Lạng Sơn |  |  |  |  | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  | 1 | 1 | Hoàng Hữu Hạnh |  |
| b2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| b3 |  |  |  |  |  |  | 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |  | 2 |  |
| cbộ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **+** |  |  |  |  | **3** |  | **4** |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **4** |  | **1** | **3** |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đơn vị** | **Nhiệm vụ triển khai** | **Thời gian** | | | **VTĐ** | | | | | **HTĐ** | | | | | **MÁY NỔ** | **QB** | | **Quân số** | | | | **Chỉ huy** | **Ghi chú** |
| **Thời gian** | **Hành quân** | **H.thành** | **XD-D9B1** | **VRU-611** | **M.thu** | **VRU-812** | **VRP-811A** | **TĐ 20 số** | **MĐT nc** | **MĐT tđ** | **Dây (km)** | **VISAT** | **Xe đạp** | **SPH** | **+** | **SQ** | **CN** | **HSQ-CS** |
| b1 | Kim Thành- Hải Dương |  |  |  |  | 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |  | 2 | Đỗ Anh Tuyền |  |
| b2 |  |  |  |  |  |  | 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 1 |  | 1 |
| b3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| cbộ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **+** |  |  |  |  | **5** |  | **4** |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **4** | **1** |  | **3** |
| b1 | Nam Sách- Hải Dương |  |  |  |  | 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |  | 2 | Đỗ Anh Tuyền |  |
| b2 |  |  |  |  |  |  | 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 1 |  | 1 |
| b3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| cbộ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **+** |  |  |  |  | **5** |  | **4** |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **4** | **1** |  | **3** |